

Số: /BC-BDT

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO

Tiếp thu, giải trình kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (Lần 2)

Trên cơ sở báo cáo số 133/BC-STP ngày 10/7/2023 của Sở Tư pháp báo cáo kết quả thẩm định Kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (Lần 2); Ban Dân tộc tỉnh báo cáo tiếp thu, giải trình nội dung thẩm định như sau:

1. Tại khoản 1 (Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 7 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND): Nội dung về phân bổ cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo nội dung tiêu chí “*Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với rừng đặc dụng...*” dựa trên tiêu chí (TT 1) quy định tại điểm b, điểm 1.2 khoản 1 Phụ lục III kèm theo Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ “*Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ*”. Tuy nhiên, theo kết quả rà soát 03 loại rừng đã được công bố của địa phương thì trên địa bàn tỉnh hiện nay không có **rừng đặc dụng**. Đồng thời, nội dung này Sở Tư pháp đã có ý kiến thẩm định tại Báo cáo số 128/BC-STP, nhưng cơ quan soạn thảo không tiếp thu, chỉnh sửa.

Ý kiến tiếp thu, giải trình của Ban Dân tộc tỉnh: đã tiếp thu, điều chỉnh.

2. Tại khoản 2 (Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 14 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND):

Nội dung về phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo 02 tiêu chí; theo đó, cơ quan soạn thảo đề xuất bổ sung tiêu chí

“*Mỗi người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số*” và Ban Dân tộc tỉnh giải trình cơ sở để đưa ra tiêu chí này là bình quân mỗi xã khoảng 06 thôn, mỗi thôn/01 người. Liên quan đến nội dung này, tại Công văn số 142/HĐND-DT ngày 16/6/2023 của Thường trực HĐND tỉnh đã yêu cầu làm rõ cơ sở đưa ra tiêu chí để tính điểm “*Mỗi người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số*” và Sở Tư pháp đã có ý kiến thẩm định tại Báo cáo số 128/BC-STP. Đồng thời, cùng nội dung tại Điều 14 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND, tại điểm b khoản 1 quy định tiêu chí phân bổ tính điểm theo “*Mỗi người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số*”, còn tại điểm b khoản 2 quy định tiêu chí phân bổ tính điểm theo “*Mỗi thôn đặc biệt khó khăn không thuộc xã khu vực III*”. Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát lại nội dung dự thảo để đảm bảo tính thống nhất.

Ý kiến tiếp thu, giải trình của Ban Dân tộc tỉnh:

- Đối với cơ sở đưa ra tiêu chí “*Mỗi người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số*”: Tại khoản 3 Điều 4 Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 03/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số quy định “*a) Mỗi thôn thuộc vùng dân tộc thiểu số có ít nhất 1/3 số hộ gia đình hoặc số nhân khẩu là người dân tộc thiểu số được bình chọn một người có uy tín. b) Trường hợp thôn không đủ Điều kiện quy định tại điểm a Khoản 3 Điều này hoặc có nhiều thành Phần dân tộc cùng sinh sống, căn cứ tình hình thực tế và đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định số lượng người có uy tín được bình chọn, nhưng tổng số người có uy tín được bình chọn không vượt quá tổng số thôn của vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh*”. Như vậy, các thôn được bầu chọn người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số đa số thuộc địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và phù hợp với phạm vi của Chương trình: “*Trên địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; trong đó, ưu tiên nguồn lực của Chương trình đầu tư cho các địa bàn đặc biệt khó khăn (xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn), xã an toàn khu (ATK) thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*”.

- Đối với nội dung cùng nội dung tại Điều 14 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND, tại điểm b khoản 1 quy định tiêu chí phân bổ tính điểm theo “*Mỗi người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số*”, còn tại điểm b khoản 2 quy định tiêu chí phân bổ tính điểm theo “*Mỗi thôn đặc biệt khó khăn không thuộc xã khu vực III*”; hiện nay, việc xác thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn ĐBKK thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III là khác nhau và tùy theo chính sách thì áp dụng khác nhau.

Từ những nội dung giải trình trên, Ban Dân tộc tỉnh tiếp thu điều chỉnh tiêu chí “*Mỗi người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số*” thành “*Mỗi thôn có người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số*” để phù hợp với địa

bàn đầu tư của Chương trình.

3. Tại phần căn cứ ban hành: Đề nghị viết hoa từ “*Chính*” tại “*Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019*”; chỉnh sửa từ “*thiếu*” thành từ “*thiếu*” tại “*Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025*” để nội dung dự thảo được chính xác.

Ngoài ra, đề nghị trình bày chính xác tên gọi của Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của....

Ý kiến tiếp thu, giải trình của Ban Dân tộc tỉnh: đã tiếp thu, điều chỉnh.

4. Tại Điều 1: Đề nghị trình bày tên của điều bằng kiểu chữ **đậm** và bỏ cụm từ “*nhu sau*” để phù hợp với điểm c khoản 5 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP “*Từ “Điều”, số thứ tự và tên của điều được trình bày bằng chữ in thường, cách lề trái từ 1cm đến 1,27cm, số thứ tự của điều dùng chữ số Ả Rập, sau số thứ tự có dấu chấm (.); cỡ chữ bằng cỡ chữ của phần lời văn từ 13 đến 14, kiểu chữ đứng, đậm*” và Mẫu số 36 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

Ý kiến tiếp thu, giải trình của Ban Dân tộc tỉnh: đã tiếp thu, điều chỉnh.

5. Đối với dự thảo Tờ trình: Đề nghị xây dựng dự thảo Tờ trình đề trình UBND tỉnh theo đúng quy định tại Mẫu số 3 (*Tờ trình dự thảo văn bản quy phạm pháp luật*) Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

Ý kiến tiếp thu, giải trình của Ban Dân tộc tỉnh: đã tiếp thu, điều chỉnh, bổ sung mục III quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết vào dự thảo Tờ trình.

Ban Dân tộc tỉnh kính báo cáo UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Ban;
- Các Phòng thuộc Ban;
- Lưu: VT.

TRƯỞNG BAN

Trần Văn Mẫn